TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2020/DSST
Ngày 30 tháng 3 năm 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Hằng Huệ**

2. Ông **Phạm Bá Xuân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình:

Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2019/TL - DSST ngày 23 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐST - DS ngày 21 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2020/QĐST-HPT ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP AC (viết tắt là ACB).** Trụ sở: 442 N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh T - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Phạm Thị T - Chức danh: Chuyên viên xử lý nợ 3- phòng quản lý nợ theo quyết định/giấy ủy quyền số 277/UQ-QLN.18 ngày 12/02/2018. Bà Phạm Thị T ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thành L theo Giấy ủy quyền số 118/UQ-ACBHN.18 ngày 20/8/2018 và ông Trần Đại A theo Giấy ủy quyền số 40/UQ-ACBHN.18 ngày 04.5/2018. Ông L có mặt.

* Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Hải N**, sinh năm: 1984. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 415 - A3a G, phường G, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Bà Ninh vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Ngân hàng TMCP AC (viết tắt là ACB) do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành Ltrình bầy***:

Ngày 04/07/2013, bà Nguyễn Thị Hải N có ký kết với ACB hợp đồng tín dụng trả góp số MKH.CN.03040713 để sử dụng vào mục đích tiêu dùng. Ngày 04/08/2013, ACB cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Hải N, chi tiết như sau: Số tiền vay: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Số tiền thực tế giải ngân: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Ngày cấp: 04/08/2013. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền. Lãi suất trong hạn: 11,76% / năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay vốn, ngày 29/07/2015, bà Nguyễn Thị Hải N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 04/12/2017, ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 04/01/2018, ACB đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số MKH.CN.03040713 sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 30/3/2020, bà Nguyễn Thị Hải N còn nợ ACB các khoản sau: Gốc: 73.520.000 đồng; Lãi trong hạn 36.735.000 đồng; Lãi quá hạn: 28.958.017 đồng. Tổng cộng: 139.213.017 đồng.

Vì vậy, ACB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết với các nội dung sau:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Hải N phải trả cho ACB toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng trả góp số MKH.CN.03040713 tạm tính đến ngày 30/3/2020 là: Gốc: 73.520.000 đồng; Lãi trong hạn 36.735.000 đồng; Lãi quá hạn: 28.958.017 đồng. Tổng cộng: 139.213.017 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu đối với lãi phạt chậm trả là 1.200.000 (Một triệu, hai trăm nghìn) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Hải N phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày bà Nguyễn Thị Hải N thực tế thanh toán hết nợ cho ACB.

2. Về án phí dân sự: bà Nguyễn Thị Hải N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải cho nguyên đơn và bị đơn được, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm***:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48 BLTTDS, cụ thể:

- Về thẩm quyền: Theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: bà Nguyễn Thị Hải N có hộ khẩu thường trú tại phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Như vậy, việc Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tòa án tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của BLTTDS sửa đổi về phiên tòa sơ thẩm :

+ Chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định của BLTTDS.

+ Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 BLTTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 BLTTDS.

Bị đơn đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- *Về nội dung:* Sau khi phân tích vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP AC; Buộc bà Nguyễn Thị Hải N phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/3/2020 là: Gốc: 73.520.000 đồng; Lãi trong hạn 36.735.000 đồng; Lãi quá hạn: 28.958.017 đồng; lãi phạt chậm trả. Tổng cộng: 139.213.017 đồng và khoản lãi phát sinh sau ngày 30/3/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo lãi suất quy định

tại Hợp đồng và Bản điều khoản.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu đối với lãi phạt chậm trả là 1.200.000 (Một triệu, hai trăm nghìn) đồng là không trái quy định pháp luật cần được chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hải N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Hải N vắng mặt lần thứ hai liên tiếp. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Hải N.

Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng trả góp số MKH.CN.03040713 ngày 04 tháng 07 năm 2013 được ký giữa ACB với bà Nguyễn Thị Hải N, mục đích tiêu dùng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Hải N đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú tại phòng 415 - A3a Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do bà Ninh không thanh toán được khoản nợ cho ACB khi đến hạn trả nợ. Do vậy, ACB đã khởi kiện bà Ninh đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Ninh phải thanh toán trả ACB toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Ngày 04/7/2013 bà Nguyễn Thị Hải N ký hợp đồng tín dụng trả góp số MKH.CN.03040713 với ACB. Ngày 29/07/2015, bà Nguyễn Thị Hải N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 04/12/2017, ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 04/01/2018, ACB đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số MKH.CN.03040713 sang nợ quá hạn. Ngày 07/5/2018 Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã nhận được đơn khởi kiện của ACB đối với bà Ninh. Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này không thuộc trường hợp phải áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố,

nên Tòa án không xem xét.

[2]. Về nội dung:

Ngày 04/7/2013 bà Nguyễn Thị Hải N và ACB ký hợp đồng tín dụng trả góp số MKH.CN.03040713 với nội dung: số tiền vay: 150.000.000 đồng, thời hạn vay; 60 tháng, mục đích vay: Tiêu dùng, lãi suất trong hạn: 11,76%, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, số tiền phạt của mỗi kỳ trễ hạn: 200.000 đồng/kỳ trễ hạn. Thực hiện hợp đồng, ngày 04/08/2013, ACB cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Hải N với hạn mức sử dụng là 150.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy hợp đồng tín dụng trả góp số MKH.CN.03040713 và ngày 04/08/2013 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự. Do đó xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Đối với yêu cầu tính lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần AC, hội đồng xét xử xét thấy: Theo Điều 4 của Hợp đồng tín dụng trả góp quy định về lãi suất quá hạn và Điều 4 các Điều kiện về việc cấp tín dụng và áp dụng biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP AC có quy định về lãi suất như sau: "Lãi suất trong hạn: 11,76% / năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn".

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trả góp, bà Ninh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 29/07/2015 theo Điều 4 của Hợp đồng tín dụng trả góp, vì vậy ngày 04/12/2017 ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị Hải N. Nay Ngân hàng khởi kiện buộc bà Ninh phải thanh toán cho ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/3/2020 là: Gốc: 73.520.000 đồng; Lãi trong hạn 36.735.000 đồng; Lãi quá hạn: 28.958.017 đồng. Tổng cộng: 139.213.017 đồng. Xét thấy đối với nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng trả góp hai bên đã ký là thỏa thuận tự nguyện giữa hai bên, phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu đối với lãi phạt chậm trả là 1.200.000 (Một triệu, hai trăm nghìn) đồng, là không trái quy định pháp luật cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí sơ thẩm:

ACB không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn bà Nguyễn Thị Hải N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).

Căn cứ Điều 342, 343, 348, 355; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng an sphis lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP AC yêu cầu bà Nguyễn Thị Hải N thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP AC toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng trả góp số MKH.CN.03040713 ngày 04 tháng 07 năm 2013.

- Xác nhận bà Nguyễn Thị Hải N còn nợ Ngân hàng TMCP AC số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng trả góp số MKH.CN.03040713 ngày 04 tháng 07 năm 2013 với số tiền: Nợ gốc: 73.520.000 đồng; Lãi trong hạn 36.735.000 đồng; Lãi quá hạn: 28.958.017 đồng. Tổng cộng: 139.213.017 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu, hai trăm mười ba nghìn, không trăm mười bảy) đồng tạm tính đến ngày 30/3/2020.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hải N phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP AC số tiền: Nợ gốc: 73.520.000 đồng; Lãi trong hạn 36.735.000 đồng; Lãi quá hạn: 28.958.017 đồng. Tổng cộng: 139.213.017 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu, hai trăm mười ba nghìn, không trăm mười bảy) đồng tạm tính đến ngày 30/3/2020.

Đình chỉ phần yêu cầu về lãi phạt chậm trả là số tiền: 1.200.000 (Một triệu, hai trăm nghìn) đồng do nguyên đơn rút yêu cầu tại phiên tòa.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này giữa các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hải N phải chịu 6.960.650 (Sáu triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

- Ngân hàng TMCP AC không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.800.000 (Hai triệu, tám trăm nghìn) đồng theo

biên lai thu tạm ứng án phí số 0024034 ngày 13 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

5. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Hải N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trả góp số MKH.CN.03040713 ngày 04 tháng 07 năm 2013 đã ký.

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hải N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ bản án được niêm yết hợp lệ .

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung